TÀI LIỆU THAM KHẢO
HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA LẠI HÈ NH 2023 - 2024
SINH HỌC 11

BÀI 18

Câu 1: Phát biểu nào **sai** khi nói về sinh trưởng và phát triển ở động vật?
A.Tốc độ sinh trưởng của cơ thể sinh vật đồng đều ở các giai đoạn khác nhau.
B.Tốc độ sinh trưởng của các loại mô khác nhau là không giống nhau.
C.Sự phát triển theo giai đoạn giúp cơ thể thích nghi với môi trường.
D.Cơ thể có khả năng tự điều chỉnh hoạt động của các cơ quan.

Câu 2. Quá trình phát triển của động vật đẻ trứng gồm giai đoạn:
A. Phôi. **B.** Phôi và hậu phôi. **C.** Hậu phôi. **D.** Phôi thai và sau khi sinh

Câu 3. Quá trình phát triển của động vật đẻ con gồm giai đoạn:
A. Phôi. **B.** Phôi và hậu phôi. **C.** Hậu phôi. **D.** Phôi thai và sau khi sinh.

Câu 4: Quá trình sinh trưởng và phát triển ở hầu hết các loài động vật trải qua mấy giai đoạn?
A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 5. Sơ đồ phát triển qua biến thái hoàn toàn ở bướm theo thứ tự nào sau đây?
A. Bướm -> trứng -> sâu -> nhộng -> bướm.
B. Bướm -> sâu -> trứng -> nhộng -> bướm.
C. Bướm -> nhộng -> sâu -> trứng -> bướm.
D. Bướm -> nhộng -> trứng -> sâu -> bướm.

Câu 6. Phát triển qua biến thái hoàn toàn là kiểu phát triển mà ấu trùng (con non)
A. có hình dạng, cấu tạo và sinh lí rất khác với con trưởng thành.
B. có hình dạng, cấu tạo và sinh lí tương tự với con trưởng thành.
C. không phải lột xác nhiều lần vẫn trở thành con trưởng thành.
D. có hình thái và sinh lí rất khác với con trưởng thành.

Câu 7. Phát triển của động vật qua biến thái không hoàn toàn là kiểu phát triển mà ấu trùng
A. có hình dạng, cấu tạo và sinh lí rất khác với con trưởng thành.
B. có hình dạng, cấu tạo và sinh lí gần giống với con trưởng thành.
C. không phải lột xác nhiều lần vẫn trở thành con trưởng thành.
D. có hình thái và sinh lí rất khác với con trưởng thành.

Câu 8: Những loài sinh trưởng và phát triển qua biến thái không hoàn toàn là:
A. Khỉ, châu chấu, cào cào. **B.** Ếch, tôm, muỗi.
C. Heo, gián, muỗi. **D.** Châu chấu, gián, tôm

Câu 9: Những loài sinh trưởng và phát triển qua biến thái hoàn toàn là:
A.Khỉ, châu chấu, cào cào. **B.** Ếch, bướm, muỗi.
C. Heo, gián, muỗi. **D.** Châu chấu, gián, tôm

Câu 10: Vòng đời của muỗi lần lượt theo chu trình sau:
A. Muỗi -> nhộng -> trứng-> ấu trùng -> muỗi.
B. Muỗi -> nhộng-> trứng -> ấu trùng ->muỗi.
C. Muỗi -> trứng -> ấu trùng ->nhộng -> muỗi.
D. Muỗi -> ấu trùng -> trứng -> sâu -> muỗi.

Câu 11: Nếu muốn hạn chế châu chấu gây hại mùa màng thì nên tác động vào giai đoạn nào trong vòng đời của chúng để đạt hiệu quả cao nhất?
A. Nhộng **B.**Trứng **C**.Ấu trùng **D.**Con trưởng thành.

Câu 12: Giai đoạn phôi thai ở người thường kéo dài khoảng bao nhiêu tuần?
A. 10-25 tuần **B.**15-30 tuần **C**.38-42 tuần **D.**45-60 tuần

Câu 13: Ở người tim thai thường bắt đầu đập từ tuần thứ mấy ở thai kì?

A. 4 **B.** 10 **C**.24 **D.** 30

Câu 14: Người ta lưu giữ máu cuống rốn **không** nhằm mục đích nào sau đây?

A. Điều trị một số bệnh lí ở người. **B.** Tạo ra một cá thể người mới.

C. Tái thiết hệ miễn dịch của cơ thể. **D.** Nuôi cấy, thay thế một số cơ quan bị hỏng.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây **sai** khi nói về giai đoạn dậy thì ở người?

A. Cơ thể có nhiều biến đổi về thể chất, tâm lí, sinh lí.

B. Sự hưng phấn ở vỏ não làm ảnh hưởng đến tâm lí.

C. Thường kéo dài khoảng 3-5 năm.

D. Lượng hormone sinh dục trong cơ thể giảm mạnh.

Câu 16: Ở nữ, nếu đến độ tuổi nào vẫn chưa xuất hiện kinh nguyệt thì nên đi thăm khám chuyên khoa?

A. 8 **B.**10 **C**.16 **D.**20

Câu 17: Đâu **không** phải là những thay đổi về thể chất ở giai đoạn dậy thì?

A. Chiều cao tăng nhanh. **B.** Cơ quan sinh dục phát triển.

C. Có rung cảm với người khác giới. **D.** Tuyến bã nhờn ở da tăng tiết.

Câu 18: Ở người, thai nhi trao đổi với cơ thể mẹ qua:

A. Nhau thai **B.**Tim thai **C**.Phổi **D.**Gan

Câu 19: Những loài sinh trưởng và phát triển không qua biến thái là:

A.Khỉ, châu chấu, cào cào. **B.** Ếch, bướm, muỗi.

C. Heo, khỉ, bồ câu. **D.** Châu chấu, gián, tôm

Câu 20: Đâu **không** phải là những thay đổi về sinh lí ở giai đoạn dậy thì?

A. Có xu hướng độc lập. **B.** Có hiện tượng mộng tinh.

C. Xuất hiện kinh nguyệt. **D.** Tinh hoàn sản xuất tinh trùng.

BÀI 19

Câu 21: Ở động vật, hormone sinh trưởng được tiết ra từ

A. tuyến yên. **B**. tuyến giáp. **C.** tinh hoàn. **D**. buống trứng.

Câu 22: Điều nào sau đây **không** phải vai trò của hormone GH?

A. Kích thích phân chia tế bào. **B.** Tăng kích thước tế bào.

C. Kích thích phát triển xương. **D.** Kích thích chuyển hóa tế bào.

Câu 23: Nếu thiếu Iod trong thức ăn thường dẫn đến thiếu hormone

A. Thyroxine. **B.** Testosterone. **C.** Estrogen. **D.** Ecdysteroid

Câu 24: Hai loại hormone chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của côn trùng là

A. Testosterone và Estrogen. . **B.** Ecdysteroid và juvenile.

C.Testosterone và Ecdysteroid. **D**. Estrogen và juvenile.

Câu 25: Để chữa bệnh lùn cần tiêm GH ở giai đoạn nào?

A. Ở tuổi sau dậy thì. **B.** Trước tuổi dậy thì.

C. Độ tuổi nào cũng được. **D.** Tiêm khi 20 tuổi.

Câu 26: Tiroxin có tác dụng gì đối với loài ếch?

A. Kích thích ếch sinh sản. **B.** Giúp nòng nọc biến thái thành ếch.

C. Giúp xương ếch to và dài ra. **D.** Không có tác dụng gì đối với ếch.

Câu 27: Nếu tuyến yên sản sinh ra quá ít hoặc quá nhiều hoocmôn sinh trưởng ở giai đoạn trẻ em sẽ dẫn đến hậu quả

A. chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém **B.** đặc điểm sinh dục ở nữ kém phát triển

C. người bé nhỏ hoặc khổng lồ **D.** đặc điểm sinh dục ở nam kém phát triển

Câu 28: Nhân tố quan trọng quyết định sự sinh trưởng và phát triển của động vật là

A. yếu tố di truyền **B.** hoocmôn **C**. thức ăn **D.** nhiệt độ và ánh sáng

Câu 29: Ở giai đoạn trưởng thành, gà mái có tỉ lệ mỡ cao hơn gà trống, nhân tố chủ yếu tác động đến sự khác biệt trên là gì?

A. Ánh sáng **B.** Dinh dưỡng **C**. Nhiệt độ **D.** Giới tính

Câu 30: Lợn Đại Bạch trưởng thành có thể đạt 200kg, lợn Ỉ chỉ đạt tối đa 50kg, nhân tố chủ yếu tác động đến sự khác biệt trên là gì?

A. Ánh sáng **B.** Gene **C**. Nhiệt độ **D.** Giới tính

Câu 35: Những hormone nào sau đây điều hòa sinh trưởng và phát triển ở động vật có xương sống?

A. Hoocmon sinh trưởng, estrogen, ecdysteroid, juvenile.

B. Hoocmon sinh trưởng, thyroxine, estrogen, testosterone.

C. Hoocmon thyroxine, estrogen, testosterone, ecdysteroid.

D. Hoocmon sinh trưởng, tiroxin, testosterone, juvenile.

Câu 33: Khi gà trống bị cắt bỏ tinh hoàn thì sẽ như thế nào?

A. Mào nhỏ, không có cựa, không biết gáy, mất khả năng sinh dục.

B. Mào nhỏ, không có cựa, không biết gáy, khả năng sinh dục bình thường.

C. Mào nhỏ, không có cựa, biết gáy bình thường và mất khả năng sinh dục.

D. Mào to, có cựa, biết gáy, khả năng sinh dục bình thường.

Câu 34: Đâu **không phải** nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật?

A. Ánh sáng **B.** Dinh dưỡng **C**. Nhiệt độ **D.** Di truyền

Câu 35: Ở người thiếu protein, vitamin D trong khẩu phần ăn gây chậm lớn, còi xương. Nhân tố ảnh hưởng chủ yếu là:

A. Di truyền **B.** Dinh dưỡng **C**. Nhiệt độ **D.** Virus

Câu 36: Tư vấn di truyền thai kì, sàng lọc trước sinh là ứng dụng trong việc áp dụng kiến thức về tác động của nhân tố nào vào sinh trưởng- phát triển ở người?

A. Gene **B.** Dinh dưỡng **C**. Nhiệt độ **D.** Virus

Câu 37: Trong thai kì để tránh nguy cơ mắc dị tật bẩm sinh liên quan đến não và tủy sống cho thai nhi, phụ nữ thường ăn gan, bông cải xanh, măng tây, quả bơ,.. Vì chúng chứa nhiều:

A. Vitamin A **B.**Vitamin C **C**. Vitamin B9 **D.** Vitamin D

Câu 38: Ở người, nhiễm giun sán đường ruột có thể gây chậm lớn, biếng ăn. Nhân tố ảnh hưởng chủ yếu là:

A. Di truyền **B.**Tác nhân gây bệnh **C**. Nhiệt độ **D.** Virus

Câu 39: Ở gia cầm, khi nhiệt độ môi trường tăng quá cao, có thể gây ra:

A. tăng miễn dịch thứ cấp. **B.** giảm thân nhiệt nghiêm trọng.

C. giảm sản lượng trứng. **D.** tăng tốc độ sinh trưởng.

Câu 40: Biện pháp phòng bệnh hiệu quả nhất trong chăn nuôi gia súc, gia cầm là:

A. tăng lượng thức ăn **B.** dùng thuốc đặc trị.

C. tăng nhiệt độ chuồng nuôi **D.** tiêm vaccine.

BÀI 20

Câu 41: Đâu **không phải** đặc trưng của sinh sản?

A. Hình thành cơ thể mới **B.** Tăng kích thước cơ thể

C.Điều hòa sinh sản **D.** Vật chất di truyền

Câu 42: Quá trình sinh sản hữu tính gồm mấy giai đoạn?

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 43: Đặc điểm nào **không phải** là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở thực vật?

A. Có khả năng thích nghi với điều kiện môi trường biến đổi.
B. Tạo ra nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho chọn gống và tiến hoá.
C. Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền cho các loài.
D. Là hình thức sinh sản phổ biến ở hầu hết động thực vật bậc cao.
Câu 44. Sinh sản vô tính ở thực vật tạo ra cây con
A. giống cây mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.
B. giống cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.
C. giống bố mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.
D. mang những tính trạng khác cây mẹ.
Câu 45. Đặc điểm nào sau đây là của hình thức sinh sản vô tính ở thực vật?
A. Có khả năng thích nghi với điều kiện môi trường biến đổi.
B. Tạo ra nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho chọn gống và tiến hoá.
C. Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.
D. Là hình thức sinh sản phổ biến.
Câu 46. Cơ sở khoa học của sinh sản vô tính là
A. nguyên phân. **B.** giảm phân. C. giảm phân và thụ tinh. D. nguyên phân và thụ tinh.
Câu 47. Có bao nhiêu hình thức sinh sản chủ yếu ở động- thực vật?
A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.
Câu 48. Hạn chế của sinh sản vô tính là
A.tạo ra các thế hệ con cháu không đồng nhất về mặt di truyền, nên thích nghi khác nhau trước điều kiện môi trường thay đổi.
B.tạo ra các thế hệ con cháu đồng nhất về mặt di truyền, nên thích ứng đồng nhất trước điều kiện môi trường thay đổi.
C.tạo ra các thế hệ con cháu đồng nhất về mặt di truyền, nên thích ứng kém trước điều kiện môi trường thay đổi.
D.tạo ra các thế hệ con cháu đồng nhất về mặt di truyền, nên thích ứng chậm chạp trước điều kiện môi trường thay đổi.
Câu 49: Sinh sản vô tính ở động vật là
A.một cá thể sinh ra một hay nhiều cá thể khác mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.
B.một cá thể luôn sinh ra nhiều cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.
C.một cá thể sinh ra một hay nhiều cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.
D.một cá thể luôn sinh ra chỉ một cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.
Câu 50: Cho các nhận định sau:

1. cá thể mới rất đa dạng về đặc điểm di truyền.
2. số lượng con cháu giống nhau trong một thời gian ngắn
3. cá thể mới giống nhau và giống cá thể mẹ về các đặc điểm di truyền.
4. cá thể mới thích nghi trong điều kiện sống thay đổi
5. cá thể sống đơn lẻ , độc lập vẫn có thể tạo ra con cháu.

Ưu điểm của sinh sản vô tính gồm:
A. 3, 4, 5. **B.** 1, 4, 5. **C.** 2, 3, 5. **D.** 1, 2, 3.

BÀI 21
Câu 51: Cây dâu tây sinh sản bằng

A. rễ củ. **B.** lóng. **C.** thân rễ. **D.** thân bò.

Câu 52: Thực vật nào sinh sản bằng bào tử?

A. Rêu. **B.** Thông. **C**. Sống đời. **D.** Rau má.

Câu 53: Trong tự nhiên cây tre sinh sản bằng

A. rễ phụ. **B.** lóng. **C.** thân rễ. **D.** thân bò.

Câu 54: Cây thuốc bỏng (sống đời) sinh sản bằng

A. Hạt. **B.** Lá. **C.** Củ. **D**. chồi.

Câu 55: Trong sinh sản sinh dưỡng ở thực vật, cây mới được tạo ra

A. từ một phần của cơ quan sinh dưỡng của cây **B.** chỉ từ rễ của cây

C. chỉ từ một phần thân của cây **D**. chỉ từ lá của cây

Câu 56: Thụ tinh kép ở thực vật có hoa là sự kết hợp của

A.nhân hai giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử.

B.hai nhân giao tử đực với nhân của trứng và nhân cực trong túi phôi tạo thành hợp tử và nhân nội nhũ.

C.hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội của giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội.

D.hai tinh tử với trứng ở trong túi phôi.

Câu 57: Thụ phấn chéo là sự thụ phấn của hạt phấn

A. Cây này với nhuỵ của cây khác loài.

B. Với nhuỵ của cùng một hoa hay khác hoa của cùng một cây.

C. Cây này với nhuỵ của cây khác cùng loài.

D. Với noãn của cùng một hoa.

Câu 58: Mỗi tiểu bào tử đực đơn bội tiến hành nguyên phân hình thành

A.Giao tử đực. **B.** Tiểu bào tử đơn bội.

C.Hạt phấn. **D.** Tế bào sinh sản.

Câu 59: Quá trình chuyển hạt phấn từ nhị sang đầu nhụy của hoa trên cùng 1 cây, là

A. nảy mầm. **B.** tự thụ phấn. **C.** thụ phấn chéo. **D.** thụ tinh.

Câu 60: Ý nghĩa sinh học của hiện tượng thụ tinh kép ở thực vật hạt kín là

A.Tiết kiệm vật liệu di truyền

B.Hợp tử phát triển thành cây con có khả năng thích nghi cao.

C.Tạo nên 2 hợp tử cùng 1 lúc

D.Cung cấp dinh dưỡng cho sự phát triển của phôi và thời kỳ đầu của cá thể mới.

Câu 61: Nuôi cấy mô tế bào thực vật là

A. lấy 1 phần của cây mẹ rồi ghim xuống đất, sau thời gian mọc cây mới.

B. lấy tế bào nuôi trong môi trường dinh dưỡng thích hợp trong điều kiện vô trùng.

C. chọn cây khỏe, gọt vỏ, bọc đất mùn xung quanh lớp vỏ, đợi ra rễ cắt rồi ghim xuống đất.

D. cắt rời 1 phần của cấy mẹ rồi gắn vào trong một gốc cây khác.

Câu 62: Những cây ăn quả lâu năm người ta thường chiết cành là vì

A. dễ trồng và ít công chăm sóc. **B.** dễ nhân giống nhanh và nhiều.

C. để tránh sâu bệnh gây hại. **D.** rút ngắn thời gian sinh trưởng, sớm thu hoạch

Câu 63: Bào tử của cây dương xỉ tập trung ở vị trí nào?

A.Rễ **B.**Mặt dưới lá **C.**Thân **D.**Hoa

Câu 64: Nguồn gốc của quả là:

A. Bầu nhụy **B.**Noãn **C.**Hợp tử **D**.Nội nhũ

Câu 65: Loài nào sinh sản hữu tính:

A. Khoai tây **B.**Mía **C.**Chanh **D**.Hành

Câu 66: Khi quả chín, mùi xuất hiện do

A.Sự biến đổi sắc tố đã tạo mùi thơm.

B.Sự phân hủy xenlulôzơ tạo ra mùi đặc trưng của quả.

C.Sự biến đổi tinh bột thành đường tạo mùi thơm.
D.Sự tổng hợp chất thơm có chất este, andehit, xetone.
Câu 67: Cần thu hoạch củ trước khi cây ra hoa vì
A.Khi ra hoa, củ hình thành ít đi.
B.Chất dinh dưỡng ở củ bị huy động cho sự ra hoa nên năng suất thu hoạch giảm.
C.Sự ra hoa cần rất nhiều nước, chất dinh dưỡng do đó không tập trung vào củ.
D.Chất dinh dưỡng cho cây giảm gây chết cây.
Câu 68: Giao tử cái khác giao tử đực vì giao tử cái có đặc điểm
A.kích thước nhỏ hơn. **B**.chứa nhiều nhiễm sắc thể hơn.
C.di chuyển nhanh. **D.**tế bào chứa nhiều chất dinh dưỡng, dự trữ.
Câu 69: Để tạo một cây hoa giấy có 5 màu hoa khác nhau, ta nên áp dụng phương pháp nào?
A. Tách củ **B.**Chiết cành **C.**Ghép cành **D.**Giâm cành
Câu 70: Để nhân giống sạch bệnh, ta nên áp dụng phương pháp:
A. Tách củ **B.**Nuôi cấy mô **C.**Ghép cành **D.**Giâm cành

BÀI 22
Câu 70: Các hình thức sinh sản nào chỉ có ở động vật không xương sống?
A. Trinh sinh, nảy chồi. **B.** Phân đôi, trinh sinh.
C. Phân đôi, phân mảnh. **D.** Nảy chồi, phân mảnh.
Câu 71: Nguyên tắc của nhân bản vô tính là
A.chuyển nhân của tế bào xôma (n) vào một tế bào trứng đã lấy mất nhân, sau đó kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.
B.chuyển nhân của tế bào xôma (2n) vào một tế bào trứng đã lấy mất nhân, sau đó kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.
C.chuyển nhân của tế bào xôma (2n) vào một tế bào trứng, sau đó kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.
D.một cá thể luôn sinh ra chỉ một cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.
Câu 72: Hình thức sinh sản vô tính nào ở động vật diễn ra đơn giản nhất?
A. Nảy chồi. **B.** Trinh sinh. **C.** Phân mảnh. **D.** Phân đôi.
Câu 75. Sinh sản vô tính dựa trên cơ sở
A. phân bào giảm nhiễm. **B.** phân bào nguyên nhiễm.
C. phân bào giảm nhiễm và thụ tinh. **D.** phân bào nguyên nhiễm và thụ tinh.
Câu 76. Phân đôi là hình thức sinh sản có ở
A. động vật đơn bào và động vật đa bào. **B.** động vật đơn bào.
C. động vật đơn bào và giun dẹp. **D.** động vật đa bào.
Câu 77. Hình thức sinh sản trinh sinh ở loài ong, trứng không được thụ tinh phát triển thành
A. ong thợ có bộ NST đơn bội. **B.** ong chúa có bộ NST đơn bội.
C. ong đực có bộ NST đơn bội. **D.** ong đực có bộ NST lưỡng bội.
Câu 78. Sau 1 thời gian bị đứt đuôi, thằn lằn mọc đuôi mới là hiện tượng
A. sinh sản vô tính. **B.** tái sinh bộ phận bị mất.
C. sinh sản hữu tính. **D.** nảy chồi và phân mảnh.
Câu 79: Nhóm động vật nào sau đây có hình thức sinh sản vô tính?
A. Ong, thủy tức, trùng đế giày **B.** Cá, thú, chim
C. Ếch, bò sát, côn trùng **D.** Giun đất, côn trùng, ong
Câu 80: Ở động vật, hình thức sinh sản vô tính sinh ra được nhiều cá thể nhất từ một cá thể mẹ là
A. Nảy chồi **B.** Trinh sinh **C.** Phân mảnh **D**. Phân đôi
Câu 81: Sinh sản vô tính ở động vật có các hình thức nào sau đây?

A. Phân đôi, nảy chồi, phân mảnh, tái sinh
B. Phân đôi, nảy chồi, phân mảnh, trinh sinh
C. Phân đôi, tái sinh, bào tử, sinh dưỡng
D. Phân đôi, tiếp hợp, phân mảnh, tái sinh
Câu 82: Các loài động vật nào có hình thức thụ tinh trong?
A. Ếch, rắn, giun đất. **B.** Rắn, gà, ếch
C. Rắn, ếch, nhện. **D.** Rắn, gà, giun đất.
Câu 83: Các loài động vật nào có hình thức thụ tinh ngoài?
A. Ếch, rắn. **B.** Ếch, cá. **C.** Rắn, cá. **D.** Rắn, gà.
Câu 84: Ưu điểm của thụ tinh trong so với thụ tinh ngoài:
1. Không phụ thuộc môi trường nước.
2. Hiệu quả thụ tinh cao.
3. Tạo ra cá thể mới đa dạng về đặc điểm di truyền nên dễ thích nghi và phát triển tốt trong điều kiện môi trường sống thay đổi.
4. Tiết kiệm sản phẩm tham gia thụ tinh.
Đáp án đúng là:
A. 1,2,3 **B.** 1,3,4 **C.** 1,2,4 **D.** 2,3,4
Câu 85 : Phương thức đẻ con tiến hóa hơn đẻ trứng vì
A. phôi được nuôi dưỡng, bảo vệ trong cơ thể mẹ, đảm bảo cho sự sống sót và phát triển tốt.
B. số lượng con được sinh ra ít hơn nên bảo vệ sức khỏe cho cơ thể mẹ.
C. có sự giao cấu làm tăng mối quan hệ sinh sản giữa các cá thể trong loài.
D. tạo ra mối quan hệ thân thiết giữa con với bố mẹ, bảo vệ sức khỏe cho cơ thể mẹ.
Câu 86: Biện pháp tránh thai nào sau đây giúp hạn chế lây nhiễm các bệnh qua đường tình dục?
A. Thuốc tránh thai. **B.** Thắt ống dẫn trứng. **C.** Cắt ống dẫn tinh. **D.** Bao cao su.
Câu 87: IVF, ICSI, IUI là:
A. kĩ thuật hỗ trợ sinh sản. **B.** biện pháp tránh thai.
C. kĩ thuật điều khiển giới tính. **D.** kĩ thuật triệt sản.
Câu 88: Đâu **không phải** nhân tố môi trường ngoài tác động đến quá trình điều hòa sinh sản ở người?
A. Pheromone **B.** Hệ thần kinh **C.** Dinh dưỡng **D.** Chất kích thích
Câu 89: Sinh đẻ có kế hoạch là gì?
A. Thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát số con, thời điểm sinh, khoảng cách giữa các lần sinh.
B. Thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát số con, giới tính, khoảng cách giữa các lần sinh.
C. Thực hiện các biện pháp nhằm điều trị vô sinh, hiếm muộn ở người.
D. Thực hiện các biện pháp tránh thai để ngăn ngừa lây nhiễm các bệnh đường tình dục.
Câu 90: Tại sao uống thuốc viên tránh thai hằng ngày (chứa hormone progesterone và estrogen) lại ức chế quá trình chín và rụng trứng?
A. Hormone progesterone và estrogen làm lượng hormone sinh dục giảm mạnh.
B. Hormone progesterone và estrogen làm lượng hormone sinh dục tăng cao.
C. Hormone progesterone và estrogen làm lượng hormone sinh dục không biến đổi.
D. Hormone progesterone và estrogen làm lượng hormone sinh dục rối loạn.

BÀI 23

Câu 91: Hiện tượng nào sẽ xảy ra khi cây không được cung cấp đủ nước?

A. Quá trình thoát hơi nước tăng mạnh. **B**. Sự hấp thụ khí cacbonic tăng.

C. Lượng nước trong tế bào giảm. **D.** Áp suất thẩm thấu ở rễ giảm.

Câu 92: Hiện tượng nào sẽ xảy ra khi ta vận động mạnh?

A. Tăng nhịp thở. **B**. Giảm nhu cầu dùng oxygen.

C. Giảm tiết mồ hôi. **D.** Giảm thải khí cacbonic.

Câu 93: Hệ mở là hệ thống:

A. nhận năng lượng, vật chất và thông tin từ môi trường.

B. thải ra các chất không cần thiết vào môi trường.

C. không tác động đến môi trường xung quanh.

D. trao đổi năng lượng, vật chất và thông tin với môi trường.

Câu 94: Ở động vật, sự tự điều chỉnh được thực hiện thông qua quá trình điều hòa của:

A. Thụ thể. **B**. Thần kinh- nội tiết

C. Cơ- xương. **D.** Tuần hoàn- hô hấp.

Câu 95: Cơ chế điều hòa thân nhiệt do bộ phận nào xử lí và quyết định phản ứng của cơ thể?

A.Não. **B.** Thụ thể **C.**Máu. **D.** Cơ.

BÀI 24

Câu 96: Hoạt động nghề nghiệp của kĩ thuật viên là:

A. hoạch định chính sách liên quan đến sinh học cơ thể cho các Sở, Phòng.

B. giảng dạy tại các trường đại học, trường nghề, trường phổ thông.

C. thực hiện phân tích mẫu các chế phẩm các bệnh viện, nhà máy.

D. khám, chữa bệnh cho người và các loài động vật.

Câu 97: Khám nghiệm tử thi, kiểm tra các dấu hiệu thân thể bị xâm phạm là hoạt động nghề nghiệp của:

A. kĩ thuật viên. **B**. giảng viên. **C**. dược sĩ. **D.** bác sĩ pháp y.

Câu 98: Cho các thành tựu sau:

(1) Nuôi cấy mô để thu sinh khối ở giống sâm Ngọc Linh.

(2) Sử dụng hệ thông đèn LED để điều tiết ra hoa trái vụ ở thanh long.

(3) Nhân bản vô tính Lợn Ỉ

(4) Điều trị ung thư bằng tế bào gốc.

Có bao nhiêu thành tựu của lĩnh vực sinh học cơ thể?

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 99: Cho các phát biểu sau:

(1) Nông nghiệp an toàn, thông minh.

(2) Nhân bản vô tính tạo ra hàng loạt cơ thể người.

(3) Khám chữa bệnh có kết nối trí tuệ nhân tạo.

(4) Sinh học vũ trụ, đại dương.

(5) Phỏng sinh học.

Có bao nhiêu triển vọng của lĩnh vực sinh học cơ thể hướng tới trong tương lai?

A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 100: Nhà sinh vật học thuộc nhóm nghề nghiệp nào sau đây?

A. Đào tạo khoa học công nghệ. **B**. Chăn nuôi, thú y, nuôi trồng thủy sản.

C. Y học, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe. **D.** Trồng trọt, lâm nghiệp, môi trường.